

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT

**TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI HIỆP
ĐỊNH EVFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA
VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

THUỘC NHIỆM VỤ

**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định EVFTA năm 2025”**

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO.....	6
I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025.....	6
1. <i>Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU.....</i>	6
2. <i>Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu thép từ Việt Nam</i>	7
3. <i>Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU.....</i>	10
4. <i>Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu thép của Việt Nam</i>	12
5. <i>Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU.....</i>	13
II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA.....	15
1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU	15
2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam.....	17
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	18
1. Dự báo xu hướng.....	18
2. Một số khuyến nghị.....	19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025	6
Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025)	8
Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025	10
Bảng 4: Trị giá nhập khẩu các loại thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng (mã HS 7210) vào EU trong 7 tháng đầu năm 2025	13
Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025	16

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Xuất khẩu sắt thép từ Việt Nam sang thị trường EU từ tháng 01 đến tháng 9/2025.....	7
Biểu đồ 2: Cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU trong 9 tháng đầu năm 2025	11
Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Ba Lan từ tháng 1 - 9/2025.....	12

TÓM TẮT

Tại EU, nhiều nhà máy trở lại hoạt động sau kỳ nghỉ hè nên lượng tồn kho cao, làm giảm nhu cầu mua mới. Nhu cầu trong các ngành xây dựng và chế tạo vẫn ở mức yếu trong thời gian dài. Trong khi đó, để bảo vệ hoạt động sản xuất nội khối, Ủy ban châu Âu dự định sẽ cắt giảm khoảng 47% hạn ngạch nhập khẩu miễn thuế và áp thuế bổ sung 50% cho lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch, khiến lượng sắt thép nhập khẩu vào EU càng giảm.

Xuất khẩu thép của Việt Nam sang EU cũng bị ảnh hưởng. Theo số liệu hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU trong tháng 9/2025 giảm 0,25% so với cùng kỳ tháng 9/2024, đạt 136,2 triệu USD, khiến trị giá xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2025 giảm 35,3% (đạt hơn 1,2 tỷ USD) so với 9 tháng đầu năm 2024.

Xuất khẩu thép từ Việt Nam sang 4 thị trường lớn nhất thuộc khối EU gồm Italia, Bỉ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép sang Italia trong 9 tháng đầu năm nay giảm 19,47% (đạt 519,68 triệu USD), sang Bỉ giảm tới 40,72% (đạt 274,96 triệu USD), sang Tây Ban Nha giảm đến 51,14% (đạt 212,23 triệu USD), sang Bồ Đào Nha cũng giảm tới 40,91% (đạt 69,49 triệu USD) ...

Điểm sáng là xuất khẩu sắt thép sang một số thị trường nhỏ có xu hướng tăng trong khi xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang nhiều thị trường khối EU giảm. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Đức tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ là 2,56% trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu sắt thép khối EU của Việt Nam nhưng xuất khẩu sang Đức trong 9 tháng đầu năm 2025 tăng gấp 5,2 lần so với cùng kỳ năm 2024. Đặc biệt, xuất khẩu sắt thép tháng 9/2025 sang Lithuania tăng gấp 202 lần so với tháng 9/2024, đạt 4,9 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu sang Lithuania 9 tháng đầu năm nay lên 16,22 triệu USD, tăng gần gấp 283 lần so với cùng kỳ năm ngoái dù chỉ chiếm 1,31% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU.

Về cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm nay, mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng nói chung và nhiều nhóm hàng sắt thép nói riêng giảm so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn có một số nhóm hàng tăng khá. Thép mạ kẽm tuy là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU, nhưng trị giá xuất khẩu các loại thép mạ kẽm tháng 9/2025 giảm tới 61,68% so với tháng 9/2024 và trị giá xuất khẩu của nhóm hàng trong 9 tháng đầu năm 2025 giảm đến 49,56% so với 9 tháng đầu năm trước. Ngược lại, xuất khẩu thép tấm đã tăng liên tục từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025, chỉ có trị giá xuất khẩu nhóm hàng trong tháng 8/2025 giảm nhẹ nhưng xuất khẩu trong tháng 9/2025 đã tăng trở lại, đạt 36,63 triệu USD, tăng 42,67% so với tháng 8/2025 và tăng 63,71% so với tháng

9/2024; trị giá xuất khẩu nhóm hàng trong 9 tháng đầu năm 2025 tăng 46,63% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 241,87 triệu USD, chiếm 19,57% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU.

Về thị phần của thép Việt Nam tại thị trường EU:

+ Theo số liệu từ ITC, tính chung 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu các loại sắt thép mã HS7210 của EU đạt hơn 13,7 tỷ USD, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này từ Việt Nam chiếm 4,61% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu nói trên của EU.

Nhìn chung, hiệp định EVFTA tạo ra nhiều cơ hội cho xuất khẩu sắt thép Việt Nam vào thị trường EU, nhưng doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp nhiều rào cản, đặc biệt khi Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, việc xuất khẩu thép sang EU sẽ trở nên rất khó khăn. Ngoài ra, ngay cả với chủng hàng sắt thép thế mạnh xuất khẩu được nhiều nhất sang thị trường EU thì Việt Nam vẫn đang phải cạnh tranh với không chỉ các quốc gia nội khối EU mà còn với nhiều đối thủ mạnh khác như Trung Quốc, Hàn Quốc...

Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam phải có khả năng đo lường, báo cáo và chứng minh mức phát thải carbon trong quá trình sản xuất thép. Tốc độ xanh hóa sản xuất và sự minh bạch trong quy trình kiểm toán carbon của doanh nghiệp Việt Nam sẽ quyết định việc doanh nghiệp có phải nộp phí carbon cao hay không, chi phối đến giá bán cuối cùng tại EU. Ngoài ra, doanh nghiệp nên chuyên đổi sản xuất thép cơ bản sang các loại thép hợp kim, thép đặc chủng (HRC, HDG) theo tiêu chuẩn EU để thâm nhập vào các phân khúc giá trị cao hơn, tránh các biện pháp phòng vệ thương mại của EU áp dụng đối với các sản phẩm thép cơ bản.

NỘI DUNG BÁO CÁO

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU

Giá thép trên thị trường quốc tế giảm trong tháng 9/2025. Theo tổ chức nghiên cứu GMK Center của Ukraine, giá thép tại Thổ Nhĩ Kỳ tính từ ngày 25/8/2025 đến ngày 25/9/2025 giảm 2,2%, giao dịch ở mức 336,3 USD/tấn CFR trong ngày cuối tháng 9/2025. Tại Mỹ, giá thép cuộn cán nóng giảm, nhu cầu sản phẩm dẹt cũng đi xuống. Trong kỳ từ ngày 19–25/9/2025, tồn kho năm sản phẩm thép carbon chủ lực tại các nhà máy thép Trung Quốc tăng 0,7% so với tuần trước đó. Các nhà phân tích tại Ngân hàng ANZ nhận định tốc độ tăng trưởng tồn kho đã nhanh hơn trong 4 tuần của tháng 9/2025, gây áp lực cho cả thị trường thép thế giới.

Tình hình xuất khẩu sắt thép của Việt Nam cũng cùng xu hướng chung của thị trường thế giới. Theo số liệu của hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam tháng 9/2025 đạt 0,77 triệu tấn với trị giá 496,6 triệu USD, giảm 28,8% về lượng và giảm 33,5% về trị giá so với tháng 9/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lượng sắt thép xuất khẩu đạt 7,9 triệu tấn với trị giá gần 5,2 tỷ USD, giảm 20,6% về lượng và 28,3% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025

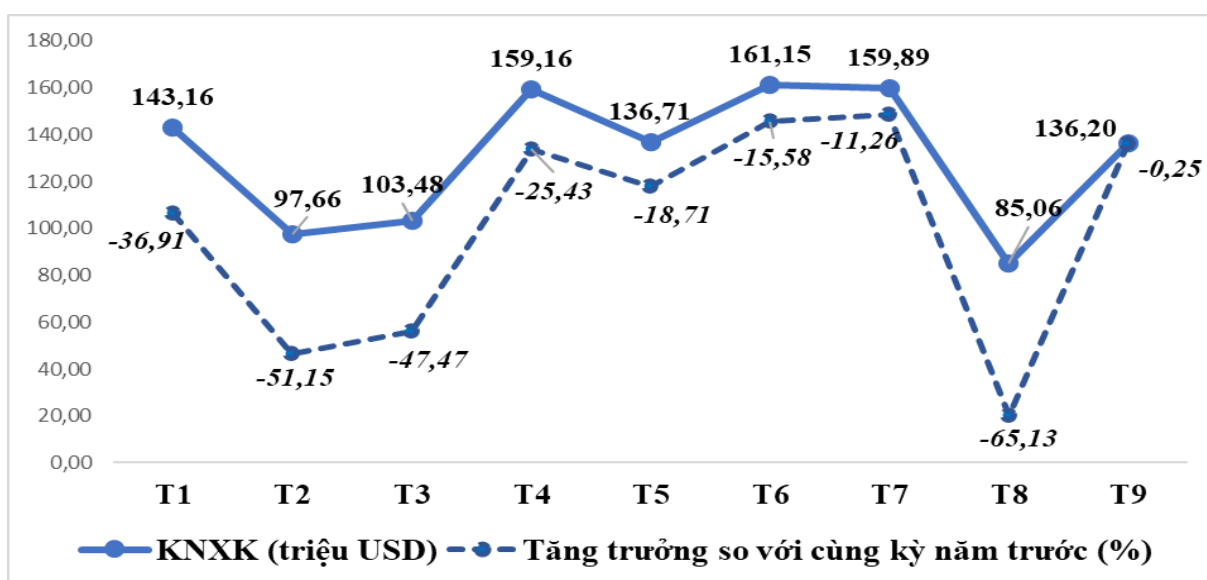
	Tháng 9/2025		T9/2025 so với T8/2025 (%)		T9/2025 so với T9/2024 (%)		9 tháng năm 2025		9T/2025 so với 9T/2024 (%)	
	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá
Tổng KNXX mặt hàng của VN	773,5	496,9	18,3	14,9	-28,8	-33,5	7.898,6	5.173,9	-20,6	-28,3
KNXX mặt hàng sang các EU		136,2		60,10		-0,25		1.235,9		-35,3
Tỷ trọng KNXX sắt thép sang EU trên tổng KNXX mặt hàng (%)		27,4						23,9		

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Tại EU, nhiều nhà máy trở lại hoạt động sau kỳ nghỉ hè nên lượng tồn kho cao, làm giảm nhu cầu mua mới. Nhu cầu trong các ngành xây dựng và chế tạo vẫn ở mức yếu trong thời gian dài. Trong khi đó, để bảo vệ hoạt động sản xuất nội khối, Ủy ban châu Âu dự định sẽ cắt giảm khoảng 47% hạn ngạch nhập khẩu miễn thuế và áp thuế bổ sung 50% cho lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch, khiến lượng sắt thép nhập khẩu vào EU càng giảm.

Xuất khẩu thép của Việt Nam sang EU cũng bị ảnh hưởng. Theo số liệu hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU trong tháng 9/2025 giảm 0,25% so với cùng kỳ tháng 9/2024, đạt 136,2 triệu USD, khiến trị giá xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2025 giảm 35,3% (đạt hơn 1,2 tỷ USD) so với 9 tháng đầu năm 2024.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu sắt thép từ Việt Nam sang thị trường EU từ tháng 01 đến tháng 9/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

2. Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu thép từ Việt Nam

Thống kê theo số liệu hải quan Việt Nam cho thấy xuất khẩu thép từ Việt Nam sang 4 thị trường lớn nhất thuộc khối EU gồm Italia, Bỉ, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong 9 tháng năm 2025 đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Italia – thị trường giữ tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu mặt hàng khối các quốc gia EU – đạt 53,94 triệu USD trong tháng 9/2025, giảm 1,9% so với tháng 8/2025, và kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2025 giảm 19,47% so với 9 tháng đầu năm 2024, đạt 519,68 triệu USD, chiếm 42,05% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU.

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép tháng 9/2025 sang Bỉ - thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam trong các nước EU – giảm 38,521% so với tháng 9/2024, đạt 30,64 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng 9 tháng đầu năm 2025 lên 274,96 triệu USD, giảm tới 40,72% so với cùng kỳ năm trước.

- Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Tây Ban Nha trong tháng 8/2025 giảm 36,19% so với tháng 9/2024 (đạt 24,14 triệu USD) và trong 9 tháng đầu năm nay giảm đến 51,14% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 212,23 triệu USD, chiếm 17,17% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu mặt hàng khối các quốc gia EU của Việt Nam.

- Tương tự, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang Bồ Đào Nha tháng 9/2025 chỉ đạt 3,27 triệu USD, giảm đến 80,83% so với tháng 9/2024. Tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Bồ Đào Nha 9 tháng đầu năm 2025 cũng giảm tới 40,91% so với 9 tháng đầu năm 2024, đạt 69,49 triệu USD.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025)

Thị trường	Tháng 9/2025			9 tháng đầu năm 2025		
	KNXK (triệu USD)	T9/2025 so T8/2025 (%)	T9/2025 so T9/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	9T/2025 so 9T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Tổng KNXK mặt hàng sang EU	136,19	60,10	-0,25	1.235,91	-35,31	100,00
Italia	53,94	-1,90	178,03	519,68	-19,47	42,05
Bỉ	30,64	106,75	-38,52	274,96	-40,72	22,25
Tây Ban Nha	24,14	491,77	-36,19	212,23	-51,14	17,17
Bồ Đào Nha	3,27	598,79	-80,83	69,49	-40,91	5,62
Ba Lan	6,12	46,54	-30,93	57,65	2,83	4,66
Đức	0,45	59,89	39,55	31,60	522,58	2,56
Lithuania	4,90	21.672,06	20.273,48	16,22	2.829,43	1,31
Pháp	0,42	-14,82	-72,02	13,55	-32,04	1,10
Hà Lan	2,15	2,84	648,97	10,17	-92,48	0,82

“Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực thi Hiệp định EVFTA trong hoạt động XK sắt thép của VN sang thị trường EU”

Thị trường	Tháng 9/2025			9 tháng đầu năm 2025		
	KNXK (triệu USD)	T9/2025 so T8/2025 (%)	T9/2025 so T9/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	9T/2025 so 9T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Estonia	8,59			8,59	29.315,36	0,69
Hy Lạp	0,72	5,95	22,29	5,11	-30,36	0,41
Thụy Điển	0,00			4,32	18,08	0,35
Látvia	0,29		-34,09	3,19	-56,86	0,26
Bungari	0,14	-93,24		2,33	-47,11	0,19
Slovenia	0,05	54,43		2,02	-66,91	0,16
Hunggary	0,24	-19,66	-22,77	1,73	97,97	0,14
Rumani	0,00			1,21	402,74	0,10
Phần Lan	0,04	-3,61	-13,24	0,81	21,00	0,07
CH Séc	0,07		165,23	0,44	-45,14	0,04
Sip	0,00			0,25	-63,57	0,02
Đan Mạch	0,00			0,24	87,24	0,02
Ai Len	0,02			0,12	-41,99	0,01
Áo	0,00			0,02		0,001

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Dấu hiệu tích cực là xuất khẩu sắt thép sang một số thị trường nhỏ có xu hướng tăng trong khi xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang nhiều thị trường khối EU giảm. Tổng hợp từ số liệu hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Ba Lan tháng 9/2025 tăng 46,54% so với cùng tháng 8/2025 và tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang thị trường này 9 tháng đầu năm nay tăng 2,83% so với 9 tháng đầu năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Đức tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ là 2,56% trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu sắt thép khối EU của Việt Nam

nhưng xuất khẩu sang Đức trong 9 tháng đầu năm 2025 tăng gấp 5,2 lần so với cùng kỳ năm 2024.

Đặc biệt, xuất khẩu sắt thép tháng 9/2025 sang Lithuania tăng gấp 202 lần so với tháng 9/2024, đạt 4,9 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu sang Lithuania 9 tháng đầu năm nay lên 16,22 triệu USD, tăng gần gấp 283 lần so với cùng kỳ năm ngoái dù chỉ chiếm 1,31% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU.

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU

Trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025, mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng nói chung và nhiều nhóm hàng sắt thép nói riêng giảm so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn có một số nhóm hàng tăng khá.

Thép mạ kẽm tuy là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao nhất trong cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU, nhưng trị giá xuất khẩu các loại thép mạ kẽm trong tháng 9/2025 giảm tới 61,68% so với tháng 9/2024 và trị giá xuất khẩu của nhóm hàng trong 9 tháng đầu năm 2025 giảm đến 49,56% so với 9 tháng đầu năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu nhiều nhóm hàng khác tính chung trong 9 tháng đầu năm nay cũng giảm khá so với cùng kỳ năm ngoái như, nhóm thép cuộn giảm 68,94%, nhóm thép mạ màu giảm 15,16%, thép mạ kim nhôm kẽm giảm 25,04%.

Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025

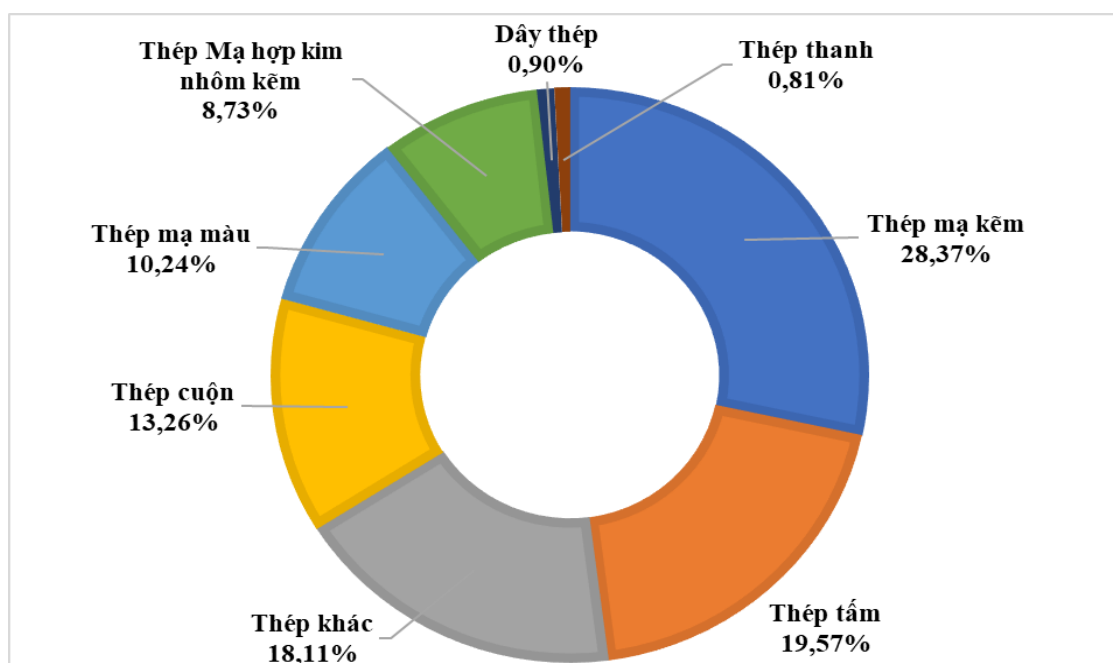
Chủng loại	Tháng 9/2025			9 tháng đầu năm 2025	
	KNXK (triệu USD)	So T8/2025 (%)	So T9/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	So 9T/2024 (%)
Tổng KNXK mặt hàng sang EU	136,19	60,10	-0,25	1.235,91	-35,31
Thép mạ kẽm	28,41	809,05	-61,68	350,67	-49,56
Thép tấm	36,63	42,67	63,71	241,87	46,63
Khác	19,66	-2,81		222,18	2,78
Thép cuộn	28,09	50,50	99,30	163,94	-68,94
Thép mạ màu	9,40	-7,37	-27,08	126,54	-15,16
Thép Mạ hợp kim nhôm kẽm	2,29	-61,64	-80,93	107,90	-25,04

Chủng loại	Tháng 9/2025			9 tháng đầu năm 2025	
	KNXK (triệu USD)	So T8/2025 (%)	So T9/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	So 9T/2024 (%)
Dây thép	1,45	23,26	93,65	11,12	-3,57
Thép thanh	10,04			10,06	
Thép cây	0,10	52,10	-20,91	1,07	48,47
Thép mạ thiếc	0,12			0,58	-29,56
Thép hình				0,007	

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Một số nhóm hàng có xu hướng tăng trong bối cảnh xuất khẩu phần lớn các chủng loại sắt thép giảm là thép tấm, thép cây và thép thanh. Cụ thể, xuất khẩu thép tấm đã tăng liên tục từ tháng 4/2025 đến tháng 7/2025, chỉ có trị giá xuất khẩu nhóm hàng trong tháng 8/2025 giảm nhẹ nhưng xuất khẩu trong tháng 9/2025 đã tăng trở lại, đạt 36,63 triệu USD, tăng 42,67% so với tháng 8/2025 và tăng 63,71% so với tháng 9/2024; trị giá xuất khẩu nhóm hàng trong 9 tháng đầu năm 2025 tăng 46,63% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 241,87 triệu USD, chiếm 19,57% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU. Chủng hàng này được xuất nhiều nhất sang Italia và Bỉ.

Biểu đồ 2: Cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU trong 9 tháng đầu năm 2025



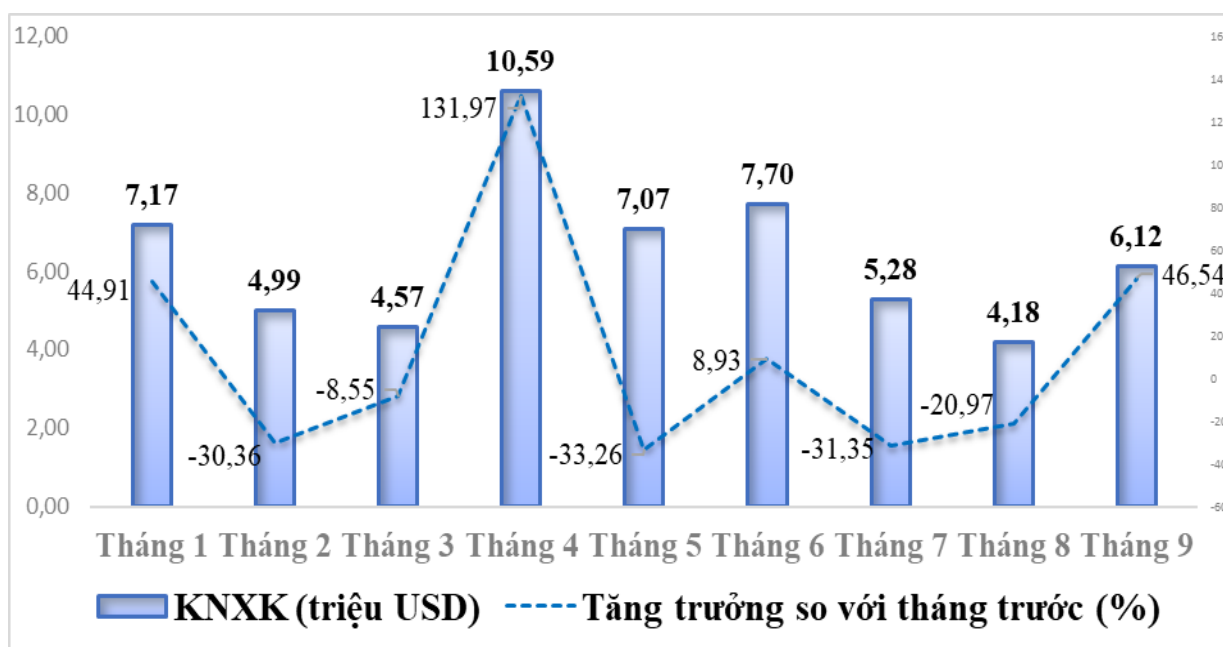
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Nhóm thép cây, tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ 0,09% trong cơ cấu các chủng hàng sắt thép xuất khẩu sang EU, nhưng trị giá xuất khẩu nhóm hàng 9 tháng đầu năm nay cũng tăng đến 48,47% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu cũng được xuất khẩu sang Bỉ và Italia.

4. Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu thép của Việt Nam

Hiệp định EVFTA tạo ra nhiều cơ hội cho xuất khẩu sắt thép Việt Nam vào thị trường EU. Trong đó, có thể kể đến tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Ba Lan nói riêng. Tính chung 9 tháng đầu năm nay, lượng sắt thép của Việt Nam xuất khẩu sang Ba Lan đã tăng 11,69% so với cùng kỳ năm trước, đạt 61,75 nghìn tấn. Tỷ trọng (về trị giá xuất khẩu sắt thép sang Ba Lan) trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU tăng từ 2,93% trong 9 tháng đầu năm 2024 lên mức 4,66% trong 9 tháng đầu năm 2025.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Ba Lan từ tháng 1 - 9/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Ba Lan là một thị trường lớn về ngành xây dựng, công nghiệp ô tô và chế tạo máy móc ở Trung Âu. Việc tiếp cận được thị trường Ba Lan giúp doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng Ba Lan làm trung tâm trung chuyển để xuất khẩu vào các nước láng giềng khác trong khu vực. Tuy nhiên, để tối ưu hóa lợi ích từ EVFTA đem lại cho hoạt động xuất khẩu sắt thép vào EU nói chung và vào Ba Lan nói riêng, các doanh nghiệp cần tập trung vào ba chiến lược chính là xanh

hóa, tuân thủ và chuyên môn hóa (tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và chuyển sang sản xuất thép lò điện - EAF - thay cho lò cao truyền thống -BF để đáp ứng tiêu chuẩn CBAM của EU; Đa dạng hóa sản phẩm thép với các loại thép hợp kim, thép đặc chủng, thép chế tạo có giá trị gia tăng cao và độ phức tạp kỹ thuật lớn, nhằm tránh sự cạnh tranh và các biện pháp phòng vệ thương mại thường nhắm vào thép cơ bản...)

5. *Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU*

Các loại thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng (mã HS7210) là nhóm hàng sắt thép có trị giá xuất khẩu sang EU cao nhất của Việt Nam. Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) của WTO, kim ngạch nhập khẩu các loại sắt thép mã HS7210 của EU trong tháng 7/2025 đạt 2,5 tỷ USD, tăng 45,26% so với tháng 6/2025 và tăng 5,12% so với tháng 7/2024.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu các loại sắt thép mã HS7210 của EU đạt hơn 13,7 tỷ USD, trị giá nhập khẩu nhóm hàng từ Việt Nam chỉ chiếm 4,61% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu nói trên của EU.

Đức là quốc gia nhập khẩu nhiều chủng hàng sắt thép mã HS7210 nhất trong số các nước thuộc EU. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của Đức 7 tháng đầu năm 2025 tăng 6,63% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 2,3 tỷ USD, chiếm 16,52% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng của EU. Tuy nhiên, Đức chủ yếu nhập chủng hàng này từ các thị trường nội khối như Bỉ, Áo, Hà Lan, Pháp, Ý và Slovakia. Việt Nam chỉ là nguồn cung lớn thứ 9 của Đức. Nếu không tính đến các đối thủ cạnh tranh nội khối EU thì sản phẩm thép từ Việt Nam vẫn phải cạnh tranh với nguồn cung dồi dào từ Trung Quốc. Tỷ trọng về trị giá Trung Quốc chiếm giữ trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng mã HS7210 vào EU trong 7 tháng đầu năm 2025 là 1,5%, trong khi Việt Nam chỉ giữ 1,09%.

Bảng 4: Trị giá nhập khẩu các loại thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng (mã HS 7210) vào EU trong 7 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025		
	KNNK (triệu USD)	T7/2025 so T6/2025 (%)	T7/2025 so T7/2024 (%)	KNNK (triệu USD)	7T/2025 so 7T/2024 (%)	Tỷ trọng trong NK của EU (%)
<i>KNNK của EU (27 nước)</i>	2.516,11	45,26	5,12	13.701,10	-1,46	100,00
Đức	363,16	7,65	15,02	2.263,28	6,63	16,52

Thị trường	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025		
	KNNK (triệu USD)	T7/2025 so T6/2025 (%)	T7/2025 so T7/2024 (%)	KNNK (triệu USD)	7T/2025 so 7T/2024 (%)	Tỷ trọng trong NK của EU (%)
Tây Ban Nha	326,29	156,82	36,02	1.410,72	9,72	10,30
Ba Lan	294,97	34,32	9,46	1.722,00	-1,84	12,57
Bỉ	285,23	133,28	7,34	1.136,11	-17,01	8,29
Italia	259,60	105,22	-22,98	1.333,42	-11,48	9,73
Pháp	144,64	10,08	-1,23	882,03	-11,28	6,44
Bồ Đào Nha	117,27	96,78	-4,64	538,50	10,41	3,93
CH Séc	114,77	2,37	3,39	769,05	-2,53	5,61
Rumani	114,09	39,14	12,37	615,99	20,71	4,50
Hà Lan	92,17	21,49	16,09	531,86	-5,80	3,88
Thụy Điển	68,17	14,02	-7,71	524,18	1,75	3,83
Hy Lạp	63,74	222,08	47,74	264,95	14,85	1,93
Slovakia	46,05	-11,88	-4,65	329,72	-5,04	2,41
Áo	35,92	27,61	23,88	184,37	0,78	1,35
Hunggary	34,87	21,30	-3,40	206,05	-19,12	1,50
Đan Mạch	25,99	-0,47	13,76	160,12	11,51	1,17
Bungari	23,48	158,75	-27,54	119,71	5,98	0,87
Slovenia	21,74	-58,86	-50,38	237,00	-9,65	1,73
Estonia	18,55	9,18	28,32	116,72	11,07	0,85
Croatia	16,69	110,06	13,28	74,64	-3,17	0,54
Lithuania	15,72	29,96	17,26	83,62	6,46	0,61

Thị trường	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025		
	KNNK (triệu USD)	T7/2025 so T6/2025 (%)	T7/2025 so T7/2024 (%)	KNNK (triệu USD)	7T/2025 so 7T/2024 (%)	Tỷ trọng trong NK của EU (%)
Phân Lan	10,93	8,61	33,33	67,38	5,87	0,49
Ai Len	10,75	43,67	0,62	64,94	-9,83	0,47
Látvia	6,67	140,81	-23,20	37,66	-12,59	0,27
Síp	2,58	18,00	17,78	14,12	-6,65	0,10
Luxembua	1,58	-6,02	-28,38	10,26	-26,61	0,07
Manta	0,51	18,37	44,60	2,71	37,51	0,02

Nguồn: Số liệu từ Trademap (ITC)

Tây Ban Nha là quốc gia nhập khẩu nhóm hàng có mã HS7210 lớn thứ hai trong các nước EU, đạt gần 326,3 triệu USD trong tháng 7/2025 và đạt 1,4 tỷ trong 7 tháng đầu năm nay, chiếm 10,3% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu các loại sắt thép mã HS7210 của EU. Các nguồn cung chính của Italia cũng là các quốc gia nội khối, nhưng Hàn Quốc hiện đang là nguồn cung lớn thứ ba, Vương quốc Anh là nguồn cung lớn thứ sáu và Trung Quốc là nguồn cung lớn thứ 7 của Tây Ban Nha. Việt Nam chỉ là nguồn cung lớn thứ 14 của Tây Ban Nha.

Như vậy có thể thấy, ngay cả với chủng hàng sắt thép thế mạnh xuất khẩu được nhiều nhất sang thị trường EU thì Việt Nam vẫn đang phải cạnh tranh với không chỉ các quốc gia nội khối EU mà còn với nhiều đối thủ mạnh khác như Trung Quốc, Hàn Quốc.

II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA

1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU

a) Thị trường thế giới

Theo thống kê của Hiệp hội thép thế giới (Worldsteel), tổng sản lượng thép thô của 70 quốc gia trong tháng 9/2025 đạt 141,8 triệu tấn, giảm 1,6% so với tháng 9/2024. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, sản lượng thép thô toàn cầu đạt 1.373,8 triệu tấn, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2024. Số liệu này cho thấy nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu hiện vẫn yếu. Kinh tế phục hồi không đồng đều giữa

các khu vực, nhiều nhà máy phải cắt giảm sản lượng trong bối cảnh các biện pháp bảo hộ tiếp tục được đẩy mạnh trên phạm vi toàn cầu.

Trong 9 tháng năm 2025, Trung Quốc - quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới có sản lượng sản xuất thép thô là 746,3 triệu tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, một số quốc gia nằm trong nhóm 10 nước sản xuất thép lớn nhất thế giới cũng giảm như: Nhật Bản giảm 4,5 %, Nga giảm 4,7%, Hàn Quốc giảm 3,4%, Đức giảm 10,7%. Chỉ có 3/10 quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2024, bao gồm Ấn Độ tăng trưởng 10,2%; Hoa Kỳ tăng 2,1% và Thổ Nhĩ Kỳ tăng 0,6%.

Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025

Khu vực	Tháng 8/2025		8 tháng đầu năm 2025	
	T8/2025 (triệu tấn)	So T8/2024 (%)	8T/2025 (triệu tấn)	So 8T/2024 (%)
Châu Phi	2,0	8,2	17,3	4,2
Châu Á và Châu Đại Dương	102,9	-2,1	1.016,5	-1,5
Liên minh châu Âu (27)	10,1	-4,5	94,6	-3,7
Các thị trường khác ở Châu Âu	3,6	1,4	31,7	-4,2
Trung Đông	4,6	9,3	40,7	2,0
Bắc Mỹ	8,8	1,8	80,5	0,1
Nga và các nước CIS khác + Ukraine	6,2	-5,3	61,3	-5,1
Nam Mỹ	3,5	-2,7	31,1	-1,9
Tổng 70 quốc gia	141,8	-1,6	1.373,8	-1,6

(70 quốc gia chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới)

Nguồn: Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel)

Dữ liệu trên cho thấy sản lượng thép thô trên toàn cầu vẫn rất lớn. Lượng thép xuất khẩu của Trung Quốc tiếp tục duy trì ở mức cao. Theo dữ liệu của Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu thép thành phẩm của nước này trong tháng 9/2025 đạt 10.465 triệu tấn thép thành phẩm, tăng 10,04% so với tháng 8/2025 và tăng 3,1% so với tháng 9/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, tổng lượng thép thành phẩm xuất khẩu của Trung Quốc đạt 87.955 triệu tấn, tăng 9,2%, tương đương 7,4 triệu tấn, so với cùng kỳ năm trước. Điều này sẽ tiếp tục là áp lực đối với thị trường thép toàn cầu, cản trở sự phục hồi giá thép thế giới.

Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu sắt thép toàn cầu còn phải đối mặt nhiều thách thức khi phải đối mặt với hàng rào phòng vệ thương mại, áp thuế chống bán phá giá, siết quy định về xuất xứ từ các thị trường lớn như EU, Mỹ, Ấn Độ,.. cùng với các biến động địa chính trị và logistics quốc tế.

b) Thị trường EU:

Khi Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, việc nhập khẩu thép vào EU sẽ trở nên khó khăn, buộc các nhà tiêu thụ phải dựa nhiều hơn vào nguồn cung nội khối trong quý 1/2026.

Phần lớn các nhà sản xuất thép tại EU đã lên kế hoạch tăng giá theo lộ trình do CBAM làm chi phí tăng. Tập đoàn thép hàng đầu châu Âu ArcelorMittal vừa công bố tăng giá sản phẩm thép cuộn phẳng (flat steel) trên toàn khu vực thêm 40 EUR/tấn theo hai giai đoạn. Các nhà sản xuất thép cuộn cán nguội (re-rollers) của Italia cũng bắt đầu lên kế hoạch tăng giá. Các diễn biến trên cho thấy thị trường thép châu Âu đang bước vào chu kỳ điều chỉnh giá lên bởi chi phí carbon, hạn ngạch thương mại và chi phí sản xuất tăng.

Theo đó, trong ngắn hạn, giá thép cuộn cán nóng và mạ kẽm có thể tiếp tục được nâng thêm trong quý 4/2025, trước khi CBAM chính thức có hiệu lực vào đầu năm 2026, đánh dấu giai đoạn mới của ngành thép châu Âu - tập trung hơn vào sản xuất nội khối, giảm phát thải và tái cấu trúc chuỗi cung ứng.

Ủy ban Châu Âu cũng dự kiến sẽ trình đề xuất về cơ chế tự vệ hậu an toàn, giới hạn nhập khẩu ở mức 15% trên tổng thị phần, trên thực tế sẽ giảm một nửa khối lượng hiện tại, với mức thuế ngoài hạn ngạch là 50%. Hiệp hội Thép châu Âu (Eurofer) cũng đang kêu gọi thực hiện biện pháp này vào tháng 1/2026, trước khi biện pháp bảo vệ hiện tại hết hạn vào tháng 6/2026, và không yêu cầu miễn trừ. Lập luận của họ là biện pháp bảo vệ hiện tại cho phép nhập khẩu thâm nhập quá mức, đặc biệt là trong bối cảnh nhu cầu trong nước đang suy giảm.

2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam

Những tháng cuối năm thị trường thép nội địa được kỳ vọng duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực trong giai đoạn cuối năm 2025, nhờ các yếu tố hỗ trợ từ các dự án đầu tư công, xây dựng hạ tầng, và tín hiệu hồi phục của thị trường bất động sản.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều khó khăn trong hoạt động xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU:

+ Sự biến động của giá quặng sắt, than cốc và thép phế liệu (nguyên liệu đầu vào chính, phần lớn phải nhập khẩu) sẽ tác động trực tiếp đến giá thành sản xuất thép cuối cùng tại Việt Nam, có thể khiến sắt thép Việt Nam sẽ mất lợi thế cạnh tranh về giá tại thị trường EU.

+ Chi phí điện năng và vận tải biển từ Việt Nam đến các thị trường khối EU chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá xuất khẩu. Nếu chi phí logistics tiếp tục ở mức cao hoặc tăng do căng thẳng địa chính trị sẽ làm giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu sắt thép của Việt Nam.

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Dự báo xu hướng

Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel) dự báo nhu cầu thép toàn cầu vào năm 2025 sẽ giữ nguyên so với năm 2024, đạt khoảng 1.749 triệu tấn; năm 2026 sẽ tăng nhẹ 1,3% với nhu cầu toàn cầu lên 1.773 triệu tấn, được bởi một loạt các xu hướng khu vực tích cực, như:

- Tốc độ giảm nhu cầu thép từ Trung Quốc được dự báo chậm lại. Dự báo cho thấy, nhu cầu thép của Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm khoảng 2,0% vào năm 2025 nhưng sẽ chậm lại còn 1,0% khi thị trường nhà ở chạm đáy vào năm 2026.

- Các nền kinh tế đang phát triển như Ấn Độ, Việt Nam, Ai Cập và Ả Rập Xê Út tăng trưởng mạnh.

- Nhu cầu thép ở châu Âu được kỳ vọng sẽ phục hồi sau chuỗi thời gian dài trì trệ.

Nhu cầu thép ở các quốc gia đang phát triển (không bao gồm Trung Quốc) dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ với mức tăng 3,4% vào năm 2025 và 4,7% vào năm 2026, điều này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự phát triển mạnh mẽ ở Ấn Độ và một số quốc gia ASEAN và MENA.

Tuy nhiên, bên cạnh những dự báo tích cực, ngành công nghiệp nói chung và ngành thép thế giới nói riêng vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức cần phải tiếp tục thích ứng như:

- Thứ nhất: ngành sản xuất toàn cầu tiếp tục phải đối mặt với áp lực từ chi phí sản xuất cao và sức mua của người tiêu dùng suy giảm.

- Thứ hai, tình trạng căng thẳng thương mại leo thang đang tác động tiêu cực trực tiếp đến nhu cầu thép ở những nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu hàng hóa sử dụng thép như máy móc và linh kiện ô tô.

- Cuối cùng, những bất ổn địa chính trị sẽ tiếp tục kìm hãm niềm tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư, làm suy yếu nhu cầu thép trên nhiều thị trường trọng điểm.

2. Một số khuyến nghị

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bất kỳ sự phát hiện nào về gian lận xuất xứ có thể dẫn đến việc EU áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nghiêm khắc hơn đối với toàn bộ ngành thép Việt Nam. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận, lẫn tránh thuế và chuyển tải bất hợp pháp thép từ nước thứ ba (như Trung Quốc, Ấn Độ) qua Việt Nam để xuất khẩu sang EU.

- Đối với doanh nghiệp:

+ Nếu các doanh nghiệp Việt Nam duy trì sự phụ thuộc lớn vào các sản phẩm thép cơ bản, sẽ dễ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của EU (như biện pháp tự vệ hạn ngạch - Safeguard). Theo đó, doanh nghiệp nên chuyển đổi sản xuất thép cơ bản sang các loại thép hợp kim, thép đặc chủng (HRC, HDG) theo tiêu chuẩn EU sẽ quyết định khả năng thâm nhập vào các phân khúc giá trị cao hơn.

+ Cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon (CBAM) của EU sẽ bắt đầu có hiệu lực đầy đủ. Các doanh nghiệp Việt Nam phải có khả năng đo lường, báo cáo và chứng minh mức phát thải carbon trong quá trình sản xuất thép. Tốc độ xanh hóa sản xuất và sự minh bạch trong quy trình kiểm toán carbon của doanh nghiệp Việt Nam sẽ quyết định việc họ có phải nộp phí carbon cao hay không, từ đó ảnh hưởng đến giá bán cuối cùng tại EU.

+ Khả năng đảm bảo chất lượng sản phẩm thép đáp ứng các Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu (EN) và các chứng nhận bắt buộc (như CE Mark cho thép xây dựng) là điều kiện tiên quyết để duy trì đơn hàng. Vì vậy, doanh nghiệp phải có hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt và đầu tư vào quy trình thử nghiệm, kiểm định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.steelorbis.com>
2. <https://thitruongthep.com>
3. <https://worldsteel.org>
4. <https://www.marketsandmarkets.com/>
5. <https://www.fastmarkets.com>
6. <https://www.customs.gov.vn/>
7. <https://www.trademap.org/>
8. <https://trungtamwto.vn/>

Cán bộ theo dõi

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Đặng Thanh Hằng